TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **138**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 12/8/2026
Về việc: "*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Danh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Dũng và ông Ngô Đình Tưu

Thư ký ghi biên bản phiên toà: bà Cao Thị Vân – Thẩm tra viên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Nghệ An tham gia phiên toà: bà Hoàng Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 3 – Nghệ An xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 34/2026/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2026 về: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 261/2026/QĐST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 137/2026/QĐ-DS ngày 25 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Thu H**, sinh năm 1994 (có đơn xin vắng mặt);

Nơi cư trú: xóm L, xã Q, tỉnh Nghệ An

- Bị đơn: anh **Lê Đức K**, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Nơi cư trú: xóm N, xã Q, tỉnh Nghệ An

Hiện đang ở Canada, không rõ địa chỉ cụ thể.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện được bổ sung tại các bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Thu H trình bày: Vợ chồng kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp, không bị ai ép buộc, đăng ký kết hôn ngày 10/02/2015 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D (nay là xã Q), tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc và hòa thuận. Tuy nhiên, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh K không quan tâm đến gia đình và vợ con, đến năm 2023 anh K đi Xuất khẩu lao động tại Canada. Khi sang Canada làm ăn, vợ chồng do xa cách, lại có mâu thuẫn từ

trước nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, có lúc xúc phạm lẫn nhau. Đến nay, vợ chồng không còn liên lạc, trao đổi gì với nhau và cắt đứt mọi quan hệ. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh K. Vợ chồng cắt đứt liên lạc từ lâu nên địa chỉ của anh K ở nước ngoài chị không rõ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: Lê Trần Uyên N, sinh ngày 25/8/2015, Lê Trần An L, sinh ngày 16/2/2018, hiện nay hai con chung đều đang ở với chị H. Ly hôn chị H có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung Lê Trần Uyên N và Lê Trần An L cho đến khi trưởng thành và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, xác minh tại công an xã Q, tỉnh Nghệ An thì anh Lê Đức K, sinh ngày 02/1/1987 đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm N, xã Q, tỉnh Nghệ An, con ông Lê Đức T, sinh năm 1948 và bà Trịnh Thị H1, sinh năm 1952 đều trú tại xóm N, xã Q, tỉnh Nghệ An. Hiện nay, anh Lê Đức K không cư trú và sinh sống tại địa phương. Anh K đi đâu, thời gian nào, làm gì chính quyền địa phương không biết rõ.

Theo Công văn số 665/QLXNC-Đ1 ngày 11/2/2026 của phòng Q Công an tỉnh N, anh Lê Đức K, sinh ngày 02/1/1987 đã xuất cảnh lần đầu ngày 12/12/2012 qua cửa khẩu T1 bằng hộ chiếu B4363084; sau đó xuất nhập cảnh nhiều lần bằng các hộ chiếu số B4363084, C8992367. Xuất cảnh gần nhất ngày 04/12/2023 qua cửa khẩu S bằng hộ chiếu số C8992367, hiện tại trên hệ thống chưa có thông tin nhập cảnh về Việt Nam. Qua tra cứu dữ liệu hệ thống quản lý xuất nhập cảnh, không hiển thị thông tin Quốc gia công dân đi đến nên không có cơ sở để trả lời. Vì vậy, sau khi thụ lý, Tòa án đã tống đạt cho người thân và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đối với anh Lê Đức K.

Để có căn cứ giải quyết vụ án, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Nghệ An đã nhiều lần gửi công văn đề nghị ông Lê Đức T và bà Trịnh Thị H1 nếu biết địa chỉ của anh Lê Đức K ở nước ngoài thì cung cấp cho Tòa án nhưng đến nay chưa nhận được phản hồi. Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Nghệ An tiến hành làm việc trực tiếp với ông Lê Đức T, sinh năm 1948 và bà Trịnh Thị H1, sinh năm 1952 – là bố mẹ đẻ của anh Lê Đức K và lập Biên bản sự việc đề ngày 09 tháng 7 năm 2026 có chữ ký của ông Lê Đức T ghi nhận các nội dung:

Tống đạt các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các công văn yêu cầu cung cấp địa chỉ nhưng người được tống đạt từ chối nhận các văn bản trên vì lý do việc giải quyết vụ án theo đơn khởi kiện của chị Trần Thị Thu H không thuộc trách nhiệm của ông bà và ông bà từ chối ký vào biên bản giao nhận. Qua liên lạc, ông bà cũng thông báo cho anh K nhưng anh K nói việc giải quyết đó là của chị H, anh không liên quan. Về việc cung cấp địa chỉ của anh K ở nước ngoài, ông Lê Đức T và bà Trịnh Thị H1 không biết rõ nên không thể cung cấp được cho Tòa án. Ông bà từ chối cung cấp Văn bản nêu ý kiến cho Tòa án cũng như ký vào biên bản lấy lời khai.

Phát biểu ý kiến tại phiên tòa, Kiểm sát viên đánh giá trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và hội đồng xét xử đã tiến hành đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; Tòa án mở phiên tòa đúng thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án cấp, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án xét xử vắng mặt đối với bị đơn là đúng quy định tại điều 227, điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án đề nghị Toà án áp dụng các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giải quyết cho chị Trần Thị Thu H được ly hôn anh Lê Đức K; về con chung: Giao con chung Lê Trần Uyên N, sinh ngày 25/8/2015, Lê Trần An L, sinh ngày 16/2/2018 cho chị Trần Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành; việc cấp dưỡng do đương sự không yêu cầu nên không xem xét; về tài sản chung và nợ: không yêu cầu giải quyết; án phí: chị Trần Thị Thu H phải chịu án phí theo quy định. Các đương sự có quyền kháng cao theo quy định của pháp luật,

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án. Bị đơn anh Lê Đức K có đăng ký hộ khẩu tại xóm N, xã Q, tỉnh Nghệ An nên vụ án

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Nghệ An theo quy định tại điều 35, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án. Quá trình giải quyết vụ án có căn cứ xác định hiện nay anh Lê Đức K đang cư trú tại nước ngoài và vẫn liên lạc về với gia đình, Tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết, xác minh tại nơi đăng kí hộ khẩu thường trú đối với anh Lê Đức K và tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Do đó căn cứ vào các điều 70, điều 207, điều 227, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để giải quyết và xét xử vắng mặt anh Lê Đức K.

[2]. Xét về quan hệ hôn nhân thấy rằng: Hôn nhân giữa chị Trần Thị Thu H và Lê Đức K là hoàn toàn hợp pháp, việc đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau một thời gian chung sống giữa chị H và anh K đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, tính cách, thiếu sự hòa hợp nên dẫn đến tình cảm phai nhạt. Quá trình làm việc tại Tòa án, chị H cũng xác định không còn tình cảm gì với anh K nữa, hiện nay đã sống ly thân nhau, không có khả năng đoàn tụ với nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K. Riêng anh K, sau khi được người nhà thông báo toàn bộ nội dung khởi kiện của chị H thì anh cũng không có ý kiến gì. Điều đó chứng tỏ rằng mối quan hệ giữa chị H và anh K đã thực sự rạn nứt, mục đích hôn nhân không đạt được, bởi vậy cần áp dụng khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết cho chị Trần Thị Thu H được ly hôn với anh Lê Đức K.

[3]. Về con chung: 02 con chung: Lê Trần Uyên N, sinh ngày 25/8/2015, Lê Trần An L, sinh ngày 16/2/2018 hiện đang sống cùng chị Trần Thị Thu H. Ly hôn chị H có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung Lê Trần Uyên N và Lê Trần An L đến khi trưởng thành. Xét nguyên đơn có địa chỉ cư trú rõ ràng, có thu nhập kinh tế ổn định, đủ các điều kiện cơ sở vật chất để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung và hiện đang trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, căn cứ điều kiện nuôi con thực tế và nguyện vọng của con chung nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần áp dụng các điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên giao con chung cho chị Trần Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành là phù hợp,

chị Trần Thị Thu H không yêu cầu giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Lê Đức K.

[4]. Về tài sản chung: không yêu cầu tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5]. Án phí: Chị Trần Thị Thu H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, các điều 35, 39, 147, 227, 228 điểm a khoản 5 Điều 477, khoản 1, 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56; điều 57, điều 58, điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu H được ly hôn anh Lê Đức K.

2. Về con chung: Giao hai con chung Lê Trần Uyên N, sinh ngày 25/8/2015 và Lê Trần An L, sinh ngày 16/2/2018 cho chị Trần Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Lê Đức K.

Anh Lê Đức K có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Chị Trần Thị Thu H phải chịu 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm, án phí của chị H được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0000552 ngày 21/01/2026.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Thu H vắng mặt được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật .

Anh Lê Đức K vắng mặt được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Nghệ An;*
- *VKSND Khu vực 3 – Nghệ An;*
- *THA dân sự tỉnh Nghệ An;*
- *UBND xã Quảng Châu;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, lưu VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Danh Hùng